| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 48/2019/HNGĐ-ST<br>Ngày: 07-8-2019<br>V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Ngọc Trung

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phạm Văn Lâm.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa***: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Tuyết H, sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: Thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ tạm trú: xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Trung H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Nguyên đơn trình bày:*

Bà Võ Tuyết H và ông Phạm Trung H có 02 con chung tên Phạm Đại H, sinh ngày 09/5/2010 và Phạm Thanh T, sinh ngày 01/01/2012. Theo nội dung Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số

352/2015/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2015, Bản án số 92/2015/HNGĐ-ST ngày 25/12/2015 của TAND thành phố T, tỉnh Bình Dương và Bản án số 12/2016/HNGĐ-PT ngày 15/4/2016 của TAND tỉnh Bình Dương thì ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Đồng thời, các bản án, quyết định trên cũng quy định bà H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, quá trình nuôi con, ông H luôn tìm mọi cách không cho bà H gặp, chăm sóc con chung. Bản thân ông H kinh doanh đại lý nước mắm nên thường xuyên đi ra ngoài giao hàng và khóa cửa nhốt 02 con ở nhà không có người chăm sóc rất nguy hiểm. Ngoài ra, ông H còn có hành vi nhồi nhét để hai con xa lánh mẹ, không muốn gặp mẹ. Khi bà H đến nhà thăm 02 con thì ông H thường khóa cửa, không cho bà H vào. Khi bà H tìm cách gặp các con ở trường thì ông H thường cố tình chở con đi học trễ giờ, cho con nghỉ học để bà H không gặp được con. Bà H đã nhiều lần thăm con nhưng không được nên có nhờ Hội phụ nữ, Ban lãnh đạo khu phố can thiệp để được thăm con nhưng cũng không có kết quả. Bản thân bà H hiện đang làm công nhân tại Công ty W, có mức lương ổn định mỗi tháng từ 9 triệu – 10 triệu đồng. Bà H được công ty bố trí 01 căn phòng tại Ký túc xá Công ty W, Khu công nghiệp Đ, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống nên có nơi ở ổn định. Bà H làm công nhân, thời gian làm việc từ 08 giờ đến 17 giờ nên có thể chủ động thời gian chăm sóc con. Đồng thời, cháu T là con gái nên cần có sự chăm sóc từ người mẹ.

Do đó, bà H yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thanh T, sinh ngày 01/01/2012, không yêu cầu ông Phạm Trung H cấp dưỡng nuôi con.

- *Bị đơn trình bày:*

Ông H thống nhất với lời trình bày của bà H về con chung, thời gian ly hôn, người trực tiếp nuôi con theo các bản án, quyết định của Tòa án. Ông H và bà H có 02 con chung tên Phạm Đại H, sinh ngày 09/5/2010 và Phạm Thanh T, sinh ngày 01/01/2012. Theo nội dung các quyết định, bản án của Tòa án thì ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình nuôi con, ông H vẫn tạo điều kiện để bà H được thăm nom, chăm sóc con chung, không có hành vi cản trở như trình bày của bà H. Cháu Thảo được ông H trực tiếp nuôi dưỡng, sinh sống ổn định 06 năm nay, từ lớp mầm non đến nay và đang học tại trường tiểu học P. Ông H có nhà ở ổn định, có cơ sở kinh doanh nước mắm tại nhà nên có nhiều thời gian để gần gũi, chăm sóc con. Về điều kiện thu nhập của ông H mỗi tháng từ 20 triệu - 25 triệu đồng, ngoài ra, ông H còn có tiền gửi tiết kiệm và các tài sản khác đảm bảo điều kiện nuôi con tốt hơn bà H. Ông H kinh doanh cơ sở nước mắm tại nhà, có thuê nhân viên để làm các công việc giao hàng, dọn dẹp. Việc giao hàng chủ yếu do nhân viên thực hiện, ông H chỉ ở nhà quản lý và chăm sóc hai con. Do đó, việc bà H cho rằng ông H thường đi giao hàng để hai con ở nhà không ai chăm sóc là không có cơ sở.

Bà H hiện đang làm công nhân, thu nhập và thời gian làm việc không ổn định. Bà H đang ở tại ký túc xá là nhà ở tập thể của Công ty là nơi đông người, rất phức tạp, không phù hợp để các con sinh sống. Đặc biệt đối với cháu Thảo là con gái nên rất dễ xảy ra những trường hợp xấu, bị lạm dụng hay dính vào tệ nạn. Do đó, ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên quan điểm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Võ Tuyết H khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Thanh T, sinh ngày 01/01/2012. Đây là quan hệ tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Bị đơn ông Phạm Trung H cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất thừa nhận: Bà Võ Tuyết H và ông Phạm Trung H có 02 con chung tên Phạm Đại H, sinh ngày 09/5/2010 và Phạm Thanh T, sinh ngày 01/01/2012. Theo nội dung Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 352/2015/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2015, Bản án số 92/2015/HNGĐ-ST ngày 25/12/2015 của TAND thành phố T, tỉnh Bình Dương và Bản án số 12/2016/HNGĐ-PT ngày 15/4/2016 của TAND tỉnh Bình Dương, ông H được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà H cho rằng ông H có hành vi

cản trở bà H thực hiện việc thăm nom, chăm sóc con chung, ông H không đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, thường xuyên đi ra ngoài và khóa cửa nhốt 02 con ở nhà. Do đó, bà H yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Phạm Thanh T, sinh ngày 01/01/2012.

Xét thấy, bà H cho rằng ông H có hành vi cản trở bà H thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chứng cứ bà H cung cấp là "Đơn xin tường trình và xác nhận" ngày 23/4/2019 và 09/6/2019 có xác nhận của Chi hội trưởng Hội phụ nữ và Trưởng ban điều hành Khu phố 7, phường P. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh của Tòa án xác định: Bà H có đến thăm con nhưng không gặp được do nhà ông H khóa cửa nên bà H có nhờ đại diện Hội phụ nữ và Ban lãnh đạo Khu phố 7, phường P hỗ trợ để thăm gặp 02 con. Tuy nhiên, khi đại diện Hội phụ nữ và Ban lãnh đạo Khu phố 7, phường P và bà H đến nhà ông H thì nhà khóa cửa ngoài nên không gặp được ông H để làm việc. Đại diện Hội phụ nữ và Ban lãnh đạo Khu phố 7 có xác nhận vào đơn xin tường trình và xác nhận giúp bà H chứ không thấy việc ông H có hành vi cản trở đối với bà H. Đồng thời, ông H không thừa nhận việc cản trở bà H thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Bà H cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác nên lời trình bày của bà H là không có cơ sở.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung: Bà H hiện đang làm công nhân tại Công ty W, có mức lương ổn định mỗi tháng từ 9 triệu – 10 triệu đồng. Bà H có nơi ở tại Ký túc xá Công ty W, Khu công nghiệp Đ, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đang cư trú tại nhà riêng địa chỉ Tổ 2, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cùng với 02 con chung. Ông H làm đại lý nước mắm với mức thu nhập mỗi tháng từ 20 triệu – 25 triệu đồng. Theo kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi cư trú của ông H xác định: Ông H đang sinh sống cùng 02 con tại nhà riêng ở địa chỉ nêu trên, ông H làm đại lý bỏ mối nước mắm tại nhà, có công việc và thu nhập ổn định. Trong thời gian trực tiếp nuôi con, ông H vẫn đảm bảo cho 02 con được chăm sóc, sinh hoạt, học tập đầy đủ. Vì vậy, ông H vẫn có đủ các điều kiện để thực hiện việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Đồng thời, ông H vẫn có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không đồng ý để bà H nuôi con. Ngoài ra, cháu T hiện đang học tập ổn định tại Trường tiểu học P và cũng có nguyện vọng được sống cùng với cha là ông H. Do đó, việc ông H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp, đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm sinh lý và sự phát triển toàn diện của con chung. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Tuyết H là không có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 81, khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Võ Tuyết H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận với số tiền 300.000 đồng; ông H không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, Điều 147., Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Tuyết H về việc tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với bị đơn ông Phạm Trung H.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Tuyết H phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033973 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CC THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**Phạm Ngọc Trung**